



máo yī

毛衣

Noun · (wool) sweater

Example Sentences

zhè jiàn máo yī hěn nuǎn huo
这件毛衣很暖和。

This sweater is very warm.

tiān qì lěng le wǒ chuān shàng le xīn mǎi de máo yī
天气冷了，我穿上了新买的毛衣。

The weather is cold, so I put on the new sweater I bought.

dōng tiān wǒ xǐ huan chuān máo yī
冬天我喜欢穿毛衣。

I like wearing sweaters in winter.

Trace each character, then write the word on your own.

毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛													
衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣											